Vietnam Tariff Intelligence

Detalhe do SH 9836.20

Código SH	9836.20
Descrição	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn:
Unidade	
Gerado em	02/11/2026 19:48:25
Versão dos dados	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Estado da verificação	Dados pautais confrontados com o ficheiro de origem; conselhos/correspondências indicativos; elegibilidade para o ACL não verificada.
Ligação	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/983620/

12 linhas pautais em 9836.20

Código SH	Descrição	Unidade	Direito de importação ordinário	MFN	VAT
9836.20.10	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh		27%	18%	Sem dados
9836.20.10	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh		27%	18%	Sem dados
9836.20.20	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải		27%	18%	Sem dados
9836.20.20	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải		27%	18%	Sem dados

Código SH	Descrição	Unidade	Direito de importação ordinário	MFN	VAT
9836.20.30	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn		27%	18%	Sem dados
9836.20.30	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn		27%	18%	Sem dados
9836.20.40	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị		15%	10%	Sem dados
9836.20.40	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị		15%	10%	Sem dados
9836.20.50	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được		27%	18%	Sem dados
9836.20.50	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được		27%	18%	Sem dados
9836.20.90	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Loại khác		36%	24%	Sem dados
9836.20.90	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Loại khác		36%	24%	Sem dados

Este relatório é meramente indicativo e é gerado a partir dos dados pautais de origem e das regras de aconselhamento. Não constitui uma decisão aduaneira e não confirma a classificação SH, a elegibilidade para o ACL nem a validade jurídica. O utilizador deve verificar face à legislação em vigor.